

STT	Mã thuốc theo yêu cầu báo giá	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Ghi chú
25	GEN25	Cefuroxime	4	500mg	Uống	Viên	Viên	
26	GEN26	Dung dịch Acid amin + dung dịch glucose + nhũ tương lipid	2	(11,0% 236ml +11,3% 80ml+ 20,0% 68ml)/ Túi 384ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi	
27	GEN27	Montelukast	1	4mg	Uống	Viên	Viên	
28	GEN28	Desloratadin	1	5mg	Uống	Viên	Viên	
29	GEN29	Cholin alfoscerat	4	400mg	Uống	Viên nang	Viên	
30	GEN30	Esomeprazol	1	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	
31	GEN31	Arginine hydroclorid	4	800mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	
32	GEN32	Glutathion	4	600mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	lọ	
33	GEN33	Cao khô lá Bạch quả (tương đương 28,8mg ginkgoflavon glycosid toàn phần)	2	120mg	Uống	Viên nang	Viên	
34	GEN34	Phức hợp hydroxyd sắt III và Polymaltose tính theo ion sắt III + Acid Folic	4	100 mg + 1 mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	
35	GEN35	Phức hợp hydroxyd sắt III và Polymaltose tính theo ion sắt III + Acid Folic	4	50mg + 0,5mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	

STT	Mã thuốc theo yêu cầu báo giá	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Ghi chú
36	GEN36	L-leucin + L-isoleucin + L-Lysin HCl + L-Phenylalanin + L-threonin+ L-valin+ L-tryptophan+ L-Histidin hydroclorid monohydrat+ L-Methionin	4	320,3mg+ 203,9mg+ 291mg+320,3mg+ 145,7mg+ 233mg+ 72,9mg+ 216,2mg+ 320,3mg	Uống	Bột/ Cốm/ Hạt pha uống	Gói	
37	GEN37	Tocopherol Acetate (tương đương 200IU vitamin E)+ Acid Ascorbic+ β-Caroten 30% suspension (tương đương với 3 mg β-Caroten)+ ZinC Oxide (tương đương 7,5 mg Zinc)+ Cupric oxide (tương đương 1 mg Copper)+ Selenium+ Manganese sulfate (tương đương 1,5 mg Manganese)	2	200,0mg + 250,00 mg + 10 mg + 9,337 mg + 1,252mg + 15 mcg + 4,613 mg	Uống	Viên nang	viên	
38	GEN38	L-ornithine L-aspartate	4	3000mg	Uống	Bột/ Cốm/ Hạt pha uống	Gói	
39	GEN39	Cefprozil	4	500mg	Uống	Viên nang	Viên	
40	GEN40	Cefprozil	1	500 mg	Uống	Viên	Viên	
41	GEN41	Glucosamine (dưới dạng Glucosamine sulfate)+ Chondroitin sulphate+ cao đặc củ và rễ cây Gừng+ Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá	1	295mg+ 10mg+ 40mg+ 10mg	Uống	Viên nang	viên	
42	GEN42	Thymomodulin	4	60mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	
43	GEN43	Meloxicam	1	7,5mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	

STT	Mã thuốc theo yêu cầu báo giá	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Ghi chú
44	GEN44	Esomeprazole magnesium dihydrate + Tinidazol + Clarithromycin	5	40mg + 500mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	
45	GEN45	Clarithromycin	1	500mg	Uống	Viên	Viên	
46	GEN46	Cefdinir		125mg/5ml	Uống	Bột/ Cốm/ Hạt pha uống	Viên	
47	GEN47	Cao Ginkgo biloba	2	17,5mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc Tiêm	Ống	
48	GEN48	Thymomodulin	2	80 mg	Uống	Viên nang	Viên	
49	GEN49	Alpha amylase + Papain + Simethicon	5	100mg + 100mg + 30mg	Uống	Viên nang	Viên	
50	GEN50	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin B3 + Vitamin B12 + Lysin HCL + Calci + Sắt + Magnesi	4	1000IU + 270IU + 2mg + 2mg + 2mg + 8mg + 3mcg + 30mg + 20mg + 1,5mg + 1mg	Uống	Viên nang	Viên	
51	GEN51	Acid glycyrrhizic + DL-Methionine + Glycin	4	25mg + 25mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	
52	GEN52	Bromhexin hydrochlorid + Guaifenesin	4	4mg + 100mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	ống	
53	GEN53	L-Ornithin - L- aspartat	5	5 g/10 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	ống	
54	GEN54	Fenofibrat	2	145mg	Uống	Viên	Viên	
55	GEN55	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) ; Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate)	1	5mg; 20mg	Uống	Viên	Viên	

II. DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN VÀ THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU

56	CP01	Bột bèo hoa dâu	3	500mg	Uống	Viên nang	Viên	
----	------	-----------------	---	-------	------	-----------	------	--

III. DANH MỤC THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC

STT	Mã thuốc theo yêu cầu báo giá	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Ghi Chú
57	BDG01	Amlodipine	Amlor Cap 5mg 30'S (hoặc tương đương)	5mg	BDG	Uống	Viên nang	Viên	
58	BDG02	Atorvastatin	Lipitor Tap 10mg 3X10'S (hoặc tương đương)	10mg	BDG	Uống	Viên	Viên	
59	BDG03	Atorvastatin	Lipitor Tap 20mg 3X10'S (hoặc tương đương)	20mg	BDG	Uống	Viên	Viên	
60	BDG04	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's (hoặc tương đương)	75mg	BDG	Uống	Viên nang	Viên	
61	BDG05	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	300mg	BDG	Uống	Viên nang	Viên	
62	BDG06	Celecoxib	Celebrex (hoặc tương đương)	200mg	BDG	Uống	Viên nang	Viên	
63	BDG07	Sertraline	Zoloft Tab 50mg 3x10's (hoặc tương đương)	50mg	BDG	Uống	Viên	Viên	